

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2018  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2018 ĐẾN 30/06/2019)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

---

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	5 - 6
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 8
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	9 - 30

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>721.009.678.059</b>	<b>978.458.591.029</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10.976.381.321</b>	<b>9.925.207.327</b>
1.	Tiền	111		10.976.381.321	9.925.207.327
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Kinh doanh chứng khoán	121	V.2	-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>423.758.192.307</b>	<b>559.499.234.549</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	129.253.247.213	120.237.929.379
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	247.894.118.612	389.457.447.324
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Các khoản phải thu khác	136	V.6	60.232.288.664	63.425.320.028
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(13.621.462.182)	(13.621.462.182)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>252.397.728.653</b>	<b>408.062.051.336</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	252.961.301.157	408.625.623.840
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(563.572.504)	(563.572.504)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.877.375.778</b>	<b>972.097.817</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	29.125.788.933	972.097.817
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.751.586.845	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>1.488.170.953.349</b>	<b>1.475.274.704.219</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.350.024.989</b>	<b>13.688.871.389</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.10	13.350.024.989	13.688.871.389
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.044.041.263.778</b>	<b>1.088.072.395.165</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.012.933.508.112	1.056.806.393.345
<i>Nguyên giá</i>	222		2.379.679.658.550	2.420.531.213.185
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.366.746.150.438)	(1.363.724.819.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	31.107.755.666	31.266.001.820
<i>Nguyên giá</i>	228		41.382.857.235	41.382.857.235
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.275.101.569)	(10.116.855.415)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>109.847.389.912</b>	<b>73.401.549.867</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	109.847.389.912	73.401.549.867
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>288.276.825.213</b>	<b>266.578.587.746</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	270.479.624.194	243.368.989.928
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	36.500.000.000	36.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15.251.145.800	15.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(33.953.944.781)	(28.541.547.982)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.655.449.457</b>	<b>33.533.300.052</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	32.655.449.457	33.533.300.052
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.209.180.631.408</b>	<b>2.453.733.295.248</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>685.930.631.152</b>	<b>926.407.158.517</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>613.627.478.844</b>	<b>848.835.562.641</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	42.819.470.354	51.896.363.195
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	9.655.473.970	2.083.163.968
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	1.179.152.264	23.197.795.516
4.	Phải trả người lao động	314		942.079.269	13.700.898.107
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	8.683.157.130	46.074.424.257
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	5.278.072.900	10.347.434.640
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	511.635.369.776	669.965.972.493
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	33.434.703.181	31.569.510.465
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>72.303.152.308</b>	<b>77.571.595.876</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6.	Phải trả dài hạn khác	337		9.808.905.093	9.808.905.093
7.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	5.833.316.667	7.749.991.667
8.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	56.660.930.548	60.012.699.116

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.523.250.000.256</b>	<b>1.527.326.136.731</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.493.964.194.895</b>	<b>1.493.347.379.312</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	575.358.962.809	572.501.336.375
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.28	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.300.511.302	73.541.322.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.28	67.826.069.285	50.102.276.671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.474.442.017	23.439.045.482
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>29.285.805.361</b>	<b>33.978.757.419</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.29	2.572.327.653	5.957.826.653
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	26.713.477.708	28.020.930.766
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.209.180.631.408</b>	<b>2.453.733.295.248</b>

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 - Niên độ từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10-31/12		Lấy kể từ 01/07-31/12/2018	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Quý II	Quý 2- Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	433.948.056.006	229.268.821.492	589.793.867.913	426.506.752.683
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	433.948.056.006	229.268.821.492	589.793.867.913	426.506.752.683
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	395.434.503.685	200.124.485.666	528.392.352.427	363.044.994.498
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.513.552.321	29.144.335.826	61.401.515.486	63.461.758.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	257.454.413	4.196.518.337	602.010.021	5.911.466.566
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.098.925.399	10.496.417.626	28.621.714.390	19.181.628.356
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.617.942.100	10.074.813.161	23.107.251.491	18.695.479.207
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.877.826.664	4.532.388.601	11.555.155.542	9.416.668.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.128.324.975	12.746.299.292	14.681.585.592	21.097.880.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.665.929.696	5.565.748.644	7.145.069.983	19.677.046.889
11. Thu nhập khác	31	VI.7	117.064.226	7.055.718.109	297.130.153	8.600.577.749
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.388.428.722	3.786.089.463	2.706.613.130	4.456.586.464
13. Lợi nhuận khác	40		(1.271.364.496)	3.269.628.646	(2.409.482.977)	4.143.991.285
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.394.565.200	8.835.377.290	4.735.587.006	23.821.038.174
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	1.011.822.047	2.026.186.720	1.261.144.989	4.297.326.287
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.382.743.153	6.809.190.570	3.474.442.017	19.523.711.887

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Người lập biểu

Đỗ Đình Dũng



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.394.565.200	8.835.377.290
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		19.968.121.111	39.043.390.284
- Các khoản dự phòng	03		12.223.878.610	264.525.965
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		15.143.092	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.617.942.100	10.074.813.161
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.219.650.113	58.218.106.700
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		216.332.162.047	(46.791.655.242)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.265.466.194	(62.946.439.840)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(98.540.558.223)	(24.538.384.420)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(20.623.317.010)	(13.322.952.292)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.288.386.768)	(9.268.297.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.052.560.633)	(6.444.218.388)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(3.879.015.000)	9.344.027.092
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		2.021.306.796	(2.777.903.227)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>180.454.747.516</b>	<b>(98.527.716.942)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(39.741.724.335)	(7.483.743.518)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		117.064.226	23.684.092.978
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.418.061.225)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	242.311.321	4.137.175.909
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(39.382.348.788)</b>	<b>(13.080.535.856)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31 V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	102.424.543.186	472.343.834.930
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(240.357.832.506)	(280.055.400.656)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(137.933.289.320)</b>	<b>192.288.434.274</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.139.109.408</b>	<b>80.680.181.476</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>7.837.271.913</b>	<b>73.212.069.702</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>10.976.381.321</b>	<b>153.892.251.178</b>

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 tức là Quý II của Niên độ tài chính từ 01/07/2018 đến 30/06/2019.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

---

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

#### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

*Tiền thuê đất, thuê kho trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/10/2018 đến 31/12/2018, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

### 12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	306.869.056	120.156.102
Tiền gửi ngân hàng	10.669.512.265	9.805.051.225
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.976.381.321</u></b>	<b><u>9.925.207.327</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>129.253.247.213</u></b>	<b><u>120.237.929.379</u></b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	216.382.210.613	278.682.792.739
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	31.511.907.999	110.774.654.585
<b>Cộng</b>	<b><u>247.894.118.612</u></b>	<b><u>389.457.447.324</u></b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CNC Lam Sơn	16.676.712.149	14.909.094.974
Phải thu về tiền lãi dự thu	-	-
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	9.059.781.045	10.413.910.961
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.952.000	56.952.000
Các khoản phải thu khác	22.934.783.164	23.541.301.787
<b>Cộng</b>	<b><u>60.232.288.664</u></b>	<b><u>63.425.320.028</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(13.621.462.182)	(13.621.462.182)

  

<b>8. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	21.760.949.281	54.762.742.849
Công cụ, dụng cụ	814.091.473	768.591.063
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	68.788.482.257	16.833.614.697
Thành phẩm	122.859.486.479	332.192.153.587
Hàng hóa	38.738.291.667	4.068.521.644
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(563.572.504)	(563.572.504)
<b>Cộng</b>	<b>252.397.728.653</b>	<b>408.062.051.336</b>

  

<b>9. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	29.125.788.933	972.097.817
<b>Cộng</b>	<b>29.125.788.933</b>	<b>972.097.817</b>

  

<b>10. Phải thu dài hạn khác:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	13.350.024.989	13.688.871.389
<b>Cộng</b>	<b>13.350.024.989</b>	<b>13.688.871.389</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	478.404.203.918	1.868.622.268.133	51.821.000.843	21.150.350.293	533.389.998	2.420.531.213.185
Số đầu năm	2.176.847.664	2.009.164.158	-	-	-	4.186.011.822
Tăng trong kỳ	-	2.009.164.158	-	-	-	2.009.164.158
Mua sắm mới	2.176.847.664	-	-	-	-	2.176.847.664
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	40.011.357.942	2.462.887.410	-	2.029.931.107	533.389.998	45.037.566.457
Giảm trong kỳ	39.303.656.714	-	-	1.373.347.550	533.389.998	-
Giảm do thanh lý nhượng bán	707.701.228	2.462.887.410	-	656.583.557	-	3.827.172.195
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>440.569.693.640</b>	<b>1.868.168.544.881</b>	<b>51.821.000.843</b>	<b>19.120.419.186</b>	-	<b>2.379.679.658.550</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	239.640.766.221	1.058.977.222.773	44.314.577.828	20.466.747.405	325.505.613	1.363.724.819.840
Tăng trong kỳ	6.935.490.874	18.439.894.806	599.233.853	88.348.200	12.592.350	26.075.560.083
Khấu hao trong kỳ	6.935.490.874	18.439.894.806	599.233.853	88.348.200	12.592.350	26.075.560.083
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	18.397.730.279	2.444.888.502	-	1.873.512.741	338.097.963	23.054.229.485
Giảm trong kỳ	17.690.029.051	15.681.253	-	1.216.929.184	338.097.963	19.260.737.451
Giảm do thanh lý, nhượng bán	707.701.228	2.429.207.249	-	656.583.557	-	3.793.492.034
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>228.178.526.816</b>	<b>1.074.972.229.077</b>	<b>44.913.811.681</b>	<b>18.681.582.864</b>	-	<b>1.366.746.150.438</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	238.763.437.697	809.645.045.360	7.506.423.015	683.602.888	207.884.385	1.056.806.393.345
Số cuối kỳ	212.391.166.824	793.196.315.804	6.907.189.162	438.836.322	-	1.012.933.508.112

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Giá trị lợi thế doanh nghiệp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	32.195.577.517	9.187.279.718		41.382.857.235
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-			-
Giảm khác				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.195.577.517</b>	<b>9.187.279.718</b>		<b>41.382.857.235</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	991.495.692	9.125.359.723		10.116.855.415
Tăng trong kỳ do khấu hao	142.766.154	15.480.000		158.246.154
Khấu hao TSCĐ phúc lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm khác				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.134.261.846</b>	<b>9.140.839.723</b>		<b>10.275.101.569</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	31.204.081.825	61.919.995		31.266.001.820
Số cuối kỳ	31.061.315.671	46.439.995		31.107.755.666

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	-	-
<b>XD/CB dở dang</b>	<b>114.772.654.911</b>	<b>73.401.549.867</b>
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở CBNV	-	-
Dự án GPMB TTCN cao Lam Sơn	30.257.333.204	30.257.333.204
DA đầu tư nhà lưới tại Sao Vàng & Thiệu Hóa	-	-
DA sản xuất các sản phẩm mới sau đường	348.534.783	-
DA sinh thái tre luồng Thanh Tam	68.974.165.506	35.720.746.278
Dự án khác	9.155.839.601	7.423.470.385
<b>Cộng</b>	<b>109.847.389.912</b>	<b>73.401.549.867</b>

**14. Đầu tư vào công ty con**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty con	270.479.624.194	243.368.989.928
<b>Cộng</b>	<b>270.479.624.194</b>	<b>243.368.989.928</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/12/2018	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP ĐTPT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
<b>Cộng</b>				<b>36.500.000.000</b>

**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.251.145.800		15.251.145.800
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
+ Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP		2.974.645.800		2.974.645.800
<b>Cộng</b>		<b>15.251.145.800</b>		<b>15.251.145.800</b>

**17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(12.310.559.177)	(6.591.622.365)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(21.643.385.604)	(21.949.925.617)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(33.953.944.781)</b>	<b>(28.541.547.982)</b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	33.012.194.454	-	576.718.219	32.435.476.235
CCDC chờ phân bổ	-	-	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	521.105.598	285.508.169	586.640.545	219.973.222
<b>Cộng</b>	<b>33.533.300.052</b>	<b>285.508.169</b>	<b>1.163.358.764</b>	<b>32.655.449.457</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người trồng mía	14.206.328.100	19.301.680.483
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	26.546.252.260	29.141.323.969
Phải trả Nhà cung cấp tại CNC	-	-
Phải trả Nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	1.550.271.140	1.221.027.620
Phải trả Nhà cung cấp tại XNCG	516.618.854	2.232.331.123
<b>Cộng</b>	<b><u>42.819.470.354</u></b>	<b><u>51.896.363.195</u></b>

**20. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	9.655.473.970	2.083.163.968
<b>Cộng</b>	<b><u>9.655.473.970</u></b>	<b><u>2.083.163.968</u></b>

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.269.119.175	34.838.949.281	56.260.977.016	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	78.954.384	78.954.384	-
Thuế TNDN	1.556.825.445	1.261.144.989	1.502.560.633	1.162.501.241
Thuế TNCN	320.254.702	84.882.404	388.486.083	16.651.023
Thuế tài nguyên	-	147.336.508	147.336.508	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.612.759.831	1.612.759.831	-
Thuế khác	51.596.194	-	51.596.194	-
<b>Cộng</b>	<b><u>23.197.795.516</u></b>	<b><u>38.024.027.397</u></b>	<b><u>60.042.670.649</u></b>	<b><u>1.179.152.264</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngon mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Cồn, điện	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý II năm 2018/2019:

Năm nay*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

18



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.394.565.200</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:</b>	<b>2.693.290.112</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.693.290.112
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PTKHCN</b>	<b>6.087.855.312</b>
<b>Trích lập quỹ PT KHCN (Từ 01/07/2018-31/12/2018)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi trích lập quỹ KHCN</b>	<b>3.394.565.200</b>
<b>Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN</b>	<b>6.087.855.312</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>913.178.297</b>
<b>Thuế TNDN năm trước</b>	<b>98.643.750</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.382.743.153</b>

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	997.724.347	696.459.019
Chi phí thu mua mía	3.143.683.128	28.032.636.014
Chi phí sửa đường giao thông vùng mía	-	-
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	-	-
Chi phí phải trả khác	4.541.749.655	17.345.329.224
<b>Cộng</b>	<b>8.683.157.130</b>	<b>46.074.424.257</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	338.980.127	2.016.036.956
Kinh phí công đoàn	1.653.788.542	1.428.802.632
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	-	-
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	-	-
Hoàn ứng	548.619.884	62.582.795
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	2.234.355.000	2.234.355.000
Bảo lãnh thực hiện HĐLĐ	-	-
Các khoản phải trả khác	502.329.347	4.605.657.257
<b>Cộng</b>	<b>5.278.072.900</b>	<b>10.347.434.640</b>

**24. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	-	-
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	507.802.036.443	666.132.639.160
Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333	3.833.333.333
<b>Cộng</b>	<b>511.635.369.776</b>	<b>669.965.972.493</b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay PS trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn NH	666.132.639.160	420.468.662.007	578.799.264.724	507.802.036.443
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333	-	-	3.833.333.333
<b>Cộng</b>	<b>669.965.972.493</b>	<b>420.468.662.007</b>	<b>578.799.264.724</b>	<b>511.635.369.776</b>

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	32.127.530.092	30.756.716.875
Quỹ phúc lợi	1.307.173.089	812.793.590
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.434.703.181</b>	<b>31.569.510.465</b>

**26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	5.833.316.667	7.749.991.667
<b>Cộng</b>	<b>5.833.316.667</b>	<b>7.749.991.667</b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay Công Đoàn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Vay Ngân hàng ACB	5.749.991.667	-	1.916.675.000	3.833.316.667
<b>Cộng</b>	<b>7.749.991.667</b>	<b>-</b>	<b>1.916.675.000</b>	<b>5.833.316.667</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**28. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	562.164.076.532	-	135.041.105.426
Tăng vốn trong năm		(32.871.691.000)					
Lợi nhuận trong năm							28.576.264.337
Lợi nhuận năm trước							(20.674.920.110)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					10.337.259.843		-
Trích lập các quỹ							-69.398.990.000
Chia cổ tức năm nay							-
Thường ban điều hành							(2.137.500)
Các khoản khác							
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	-	572.501.336.375	-	73.541.322.153
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	-	572.501.336.375	-	73.541.322.153
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong kỳ							3.474.442.017
Lợi nhuận năm trước							-
Trích lập các quỹ					2.857.626.434		(5.715.252.868)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BAO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Chia cổ tức năm trước							-
Chia cổ tức năm nay							-
Các khoản khác							-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>180.176.411.784</b>	<b>(32.871.691.000)</b>	<b>-</b>	<b>575.358.962.809</b>	<b>-</b>	<b>71.300.511.302</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
<b>Cộng</b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>	<b><u>880.176.411.784</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.994.950	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**29. Nguồn kinh phí**

<b>Số đầu năm</b>	<b>5.957.826.653</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	2.160.015.000
Tăng khác (điều chỉnh số chỉ năm trước)	-
Chi sự nghiệp	-
Giảm khác (Nguồn KP được quyết toán và giảm khác)	5.545.514.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.572.327.653</u></b>

**30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

<b>Số đầu năm</b>	<b>28.020.930.766</b>
Nguồn kinh phí tăng trong kỳ	-
Giảm khác	-
Khấu hao trong kỳ	(1.307.453.058)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>26.713.477.708</u></b>

**31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**32. Nợ khó đòi đã xử lý**

<b>Số đầu năm</b>	-
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>433.948.056.006</b>	<b>229.268.821.492</b>
Doanh thu bán hàng hóa	1.631.417.446	64.826.818
Doanh thu bán thành phẩm	429.131.355.480	228.206.839.848
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	3.185.283.080	997.154.826
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Doanh thu bán thành phẩm	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>433.948.056.006</b>	<b>229.268.821.492</b>
Doanh thu bán hàng hóa	1.631.417.446	64.826.818
Doanh thu bán thành phẩm	429.131.355.480	228.206.839.848
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.185.283.080	997.154.826

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.549.846.574	58.344.136
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	390.858.638.185	199.168.702.186
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.026.018.926	897.439.343
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>395.434.503.685</b>	<b>200.124.485.666</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi	242.311.321	1.373.422.136
Lãi tiền cho vay	15.143.092	403.753.772
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.360.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	59.342.429
Lãi chuyển nhượng vốn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>257.454.413</b>	<b>4.196.518.337</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	11.603.809.543	10.074.813.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	14.132.557	37.314.391
Chiết khấu thanh toán	68.586.800	119.764.109
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính	5.412.396.499	264.525.965
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.098.925.399</b>	<b>10.496.417.626</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	1.440.873.902	922.190.448
Chi phí vật liệu, bao bì	383.023.606	349.729.149
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	31.141.669	963.428.694
Chi phí khấu hao TSCĐ	564.611.760	481.285.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.509.805.551	1.072.773.356
Chi phí bằng tiền khác	948.370.176	742.981.823
<b>Cộng</b>	<b>7.877.826.664</b>	<b>4.532.388.601</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.811.560.116	2.973.599.386
Chi phí vật liệu quản lý	58.500.000	121.866.934
Chi phí đồ dùng văn phòng	288.229.990	315.260.607
Chi phí khấu hao TSCĐ	663.329.547	1.218.113.241
Thuế, phí và lệ phí	1.695.394.102	330.532.329
Chi phí dự phòng, trợ cấp	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.124.716.005	2.352.672.915
Quỹ đầu tư phát triển khoa học	-	-
Chi phí bằng tiền khác	3.486.595.215	5.434.253.880
<b>Cộng</b>	<b>9.128.324.975</b>	<b>12.746.299.292</b>

**7. Thu nhập khác**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán vật tư, phế liệu	-	6.348.187.006
Các khoản khác	117.064.226	707.531.103
<b>Cộng</b>	<b>117.064.226</b>	<b>7.055.718.109</b>

**8. Chi phí khác**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	1.500.000	-
Phạt vi phạm HD, phạt hành chính	-	-
Các khoản khác	1.316.684.408	670.497.001
<b>Cộng</b>	<b>1.318.184.408</b>	<b>670.497.001</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý II/2018-2019	2.382.743.153
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>16</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:	
	<b>Năm nay</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	70.000.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>66.994.950</b>

**VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>		
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>31/12/2018</b>	<b>01/07/2018</b>
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	32,49	39,88
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	67,51	60,12
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,90	37,76
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,10	62,24
<b>Khả năng thanh toán</b>			
		<b>31/12/2018</b>	<b>01/07/2018</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,24	2,65
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,18	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,01
<b>Tỷ suất sinh lời từ 01/07/2018 đến 31/12/2018:</b>			
		<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	0,80	5,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	0,59	4,58
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	0,80	5,59
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	0,59	4,58
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,12	0,97
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,16	0,80
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>0,23</b>	<b>0,83</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Báo cáo bộ phận

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 433.948.056.006 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 420.782.311.542 đồng chiếm tỷ trọng 96,97 % ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 3,03 %. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng 3,03 % tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2018 đến 30/06/2019	Từ 01/07/2017 đến 30/06/2018
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	2.437.350.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	-	50.483.747.533
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	7.707.924.137	107.957.595.600
Công ty CP mía đường Nông Cống	Công ty con	-	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	2.592.237.352	50.335.160.360
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	381.496.960	3.784.390.240
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	-	3.578.257.137
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	57.354.600	5.087.743.771
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	-	6.862.124.785
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	-	94.666.666.667
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	28.604.380.952
Công ty TNHH TMXNK Lam Sơn	Công ty con	-	88.770.362.614
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	131.684.040	65.371.428.570
Công ty CP mía đường Nông Cống	Công ty con	-	65.679.632.639

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	49.925.646.387	24.848.312.098
Công ty CP mía đường Nông Cống	Công ty con	29.363.711.797	72.400.581.877
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	-	3.979.784.412
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	8.427.139.777	13.406.340.400
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	-	-
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	-	-
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	10.900.578.398	965.326.830
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	-	-
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	115.173.800	846.020.082
<b>Phải thu cho vay</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	-
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	9.059.781.045	11.474.918.811
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	-
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	16.676.712.149	14.909.094.974
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	13.350.024.989	13.688.871.389
<b>Phải trả dài hạn khác</b>			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	858.313.943	858.313.943

**4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:**

Lợi nhuận sau thuế Quý II kết thúc ngày 31/12/2018 (Giai đoạn từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018) đạt 2.382 triệu đồng, giảm hơn so với cùng kỳ năm 2017/2018 (Giai đoạn từ 01/10-31/12/2017), là do các nguyên nhân sau:

Chi phí tài chính và chi phí bán hàng tăng, trong khi các chi phí khác giảm không đáng kể so với tỷ lệ doanh thu.

Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu của quý II năm nay cao hơn so với cùng kỳ của năm trước, các chi phí khác tăng nhẹ.

Tổng tài sản

Người lập biểu



Đỗ Đình Dũng

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương